

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày 14-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quyết Tiến;

Bà Vương Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2021/TLST-HS ngày 22/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-HS ngày 29/12/2021 đối với:

Bị cáo Hoàng Văn D, sinh ngày 05/02/1996 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn V (đã chết) và bà Lương Thị Sáng sinh năm 1972; vợ là chị Lục Thị T1 sinh năm 1997; có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; Số chứng minh nhân dân: 073416011 cấp ngày 03/5/2013, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; bị tạm giam ngày 04/9/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị L - Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Thị L và các cộng sự, có mặt.

- Bị hại: Hoàng Văn T2 sinh năm 1991 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Hoàng Văn H1. Địa chỉ: Thôn 1 L, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn L2. Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Chu Văn C1, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 1 L, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang. Có mặt;

2. Chị Mai Thị L3, sinh năm 1986, địa chỉ: Tổ 5, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Mai Ánh H2 (Giấy ủy quyền ngày 13/01/2021); có mặt;

3. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; Có mặt;

4. Bà Lương Thị S. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; Có mặt;

- *Người làm chứng:* Các anh Nông Văn H3, Nguyễn Văn K, Chu Văn C2, Hoàng Ngọc Q, Lý Xuân T3, Bàn Văn S2, chị Hoàng Thị H4 đều có mặt. Ông Hoàng Văn O vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Vàng Thị I vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 02/9/2021, Nguyễn Văn K, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đen, biển kiểm soát 23D1-186.23 chở Nông Văn H3 và Hoàng Văn D cùng địa chỉ đi theo hướng từ xã V, huyện B về thôn C, xã T, huyện B thì nhìn thấy ông Hoàng Văn O, sinh năm 1968 đang nằm trên đường thuộc xã V do say rượu mà bị ngã, nên D, K, H3 đã đưa ông O về lán thợ xây.

Đến lán, ông O mời D, H, K uống rượu để cảm ơn. Cả 03 người đồng ý vào lán ngồi uống rượu cùng với 03 người thợ xây gồm: Hoàng Văn T2, Chu Văn C2, Lý Xuân T3, được khoảng 20 phút thì D rủ K và H đi về. K xin phép không uống nữa đứng dậy đi ra ngoài trước. D đi ra sau lán nhìn thấy 01 con dao nhọn chuôi gỗ, loại dao bầu, chiều dài cả chuôi dao là 33cm, phần lưỡi dao bằng kim loại rộng nhất là 6,5cm, chuôi dao dài 11cm đặt sát mép bàn kê trong lán bếp nên đã lấy trộm cất giấu trong người, rồi đi ra khu vực gần đường để cùng K chờ H. H không đi ra ngay theo K, D mà vẫn ngồi lại lán. T hỏi H “*Có quen ai trên này không*”, H trả lời “*có quen S và anh T*”. T liền lấy điện thoại gọi video cho Bàn Văn S2, trú tại thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang qua ứng dụng Messenger Facebook. S nói cho T biết trước đây giữa S và H có xảy ra đánh nhau. Ngay lập tức, T không tắt điện thoại, mà đặt điện thoại xuống sập, đứng dậy dùng tay trái tát liên tiếp 03 phát trúng vào vùng mặt, đầu H và nói “*thằng S là bạn thân của tao, mày xích mích với S là xích mích với*

tao”. T cầm điện thoại lên bắt H xin lỗi S qua điện thoại. H nói “*Tôi xin lỗi bạn, em xin lỗi anh!*”. T lại tiếp tục dùng tay trái tát 01 phát trúng vào vùng mặt của H. Được mọi người trong lán can ngăn nên T dừng lại và gọi điện thoại cho Tô Văn T (tên thường gọi: N), trú tại thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang hỏi “*anh có quen H không?*”, T trả lời “*có quen*”.

T yêu cầu H và C cùng đến nhà anh T để nói chuyện. T2 gọi Hoàng Văn Q (là thợ xây đang ngủ trong lán): “*dậy đi ra kia chơi cùng anh một tí*”, Q đồng ý. Khi ra đến ngoài, H đi đến chỗ Kh và D đứng và nói “*Em vừa bị tát 04 đến 05 phát vào mặt*”. T đi phía sau lưng H, dùng tay trái túm cổ áo đẩy H đi nhanh về vị trí để xe máy nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 23L9-4435 (do T đang quản lý, sử dụng). C đưa cho T2 01 chiếc chìa khóa xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Wave α , màu sơn xanh nhạt, biển kiểm soát 23F1-11279 của C, rồi điều khiển xe máy của T đẩy H ngồi lên xe máy giữa T và C, T nói “*đến nhà N nói chuyện*”. Thấy vậy, K điều khiển xe máy biển kiểm soát 23D1-18623 chở D đi về hướng thôn V, xã V, C điều khiển xe máy đèo H và T theo sau, T điều khiển xe máy đèo Q đi sau cùng. Trên đường đi, T2 nói với Q “*Đi giải hòa cho T và H*”. K đèo D đến khu vực ngã ba đường thuộc thôn V, xã V thì dừng lại. C điều khiển xe rẽ vào lối đường bê tông, cách ngã ba đường khoảng 16 mét thì T bảo C dừng xe máy.

T xuống xe và gọi điện thoại cho T nhưng không gọi được, T quát H “*bây giờ mày thế nào*”. K vẫn ngồi trên xe máy, D xuống xe và đi bộ về phía C, T và H. T2 điều khiển xe máy đèo Q rẽ vào lối đường bê tông cách C, T và Q khoảng 04 mét. Nghe thấy T quát chửi H, K nói “*đừng cãi nhau nữa*” rồi điều khiển xe máy đi về hướng thôn V, xã V. T quay đầu xe máy về hướng ngã ba đường và bảo Q “*mày đi lên trên đường chờ anh một tí*”, Q điều khiển xe máy đến đầu lối bê tông nhỏ tắt máy và đợi. T dùng tay đánh đấm H. Thấy T đánh H, C cũng lao đến dùng tay đánh đấm H và dòn H ra giữa lòng đường. Thấy vậy, D lao đến nói “*vừa uống rượu với nhau sao lại đánh nhau như vậy*” đồng thời dùng tay đẩy H3 về phía tường rào. T3 và C2 tiếp tục xông vào đánh H3, rồi quay sang dùng tay đánh D, bị đánh D ngã ngửa xuống đất, đầu hướng về bờ tường rào, H3 dùng tay đẩy C2 và T3 không cho đánh D; T3 và C2 tiếp tục dùng tay đánh H3 làm H3 ngã xuống đất trong tư thế nghiêng phải, đầu hướng ra ngã ba đường. Cùng lúc đó, D nhìn thấy T2 đang đứng ở khu vực phía chân đánh D, D dùng tay trái vén áo và dùng tay phải cầm vào chuôi dao, rút ra khỏi cạp quần chém 01 phát từ phải qua trái, từ trong ra ngoài về phía T2 nhưng không trúng T2 mà trúng vào mặt trong cẳng chân trái, trên mắt cá của D gây ra vết thương dài 07cm. T2 cúi người dùng tay phải đánh D, D dùng tay phải cầm dao đâm 01 phát từ dưới lên trên làm mũi dao trúng vào vùng tương ứng khớp ức đòn phải tạo vạch dài 4cm, trong đó vết rách da dài 1cm sâu hết lớp thượng bì bờ mép sắc gọn của T2 làm T2 lùi về phía sau. Sau khi đánh H3 ngã xuống đất, T3 quay sang dùng tay, chân đánh, đấm D. Bị đánh và tấn công liên tục, D liên quỳ hai chân xuống đất, dùng tay trái làm trụ xoay người từ phải qua trái, tay phải cầm dao đâm vùng liên tiếp từ phải qua trái, từ trái qua phải về phía thân dưới bên trái của T3, gây

ra 01 vết rách dài 7cm tại vùng sườn bên trái và 01 vết rách có kích thước 12 x 0,5cm tại vùng mặt trong đùi trái của T3. T3 kêu “*cậu C2 ơi cháu bị chém trúng rồi, chạy đi cậu*”. C2 dìu T3 bỏ chạy về hướng UBND xã V, Q nhìn thấy vậy cũng chạy theo C2, T3, còn H3 cũng đứng dậy đi đến khu vực ngã ba. Khi H3 cách đầu đường đất mép đường bê tông 1,2m, H3 nhìn thấy T2 quay đầu xe máy và điều khiển xe máy đâm vào tường rào bê tông của T3 Tiểu học và THCS V, H3 đi lên đầu đường đất nhìn thấy T2 bỏ xe máy và đi bộ theo tư thế bước nhanh về hướng ngã tư phía UBND xã V. D tiếp tục cầm dao đuổi theo C2, T3 đến vị trí cách ngã ba đường 20m thì không đuổi nữa, D quay về hướng ngã ba đường thì gặp T2 đang đi ngược lại theo hướng ra ngã tư phía UBND xã V và tiến thẳng về phía D, D đứng đối diện T2, cách T2 khoảng 0,6m, T2 đứng hơi nghiêng chếch thân người bên phải về phía D, D dùng tay phải cầm dao, mũi dao hướng xuống dưới, vung lên đâm chếch từ trên xuống dưới, từ phải qua trái 01 phát trúng vào vùng tương ứng chính giữa đầu trên xương ức của T2, gây ra vết thương có kích thước 6 x 1,5cm, góc bên trái tù, góc bên phải vuốt nhọn, kéo dài thành vạch sang phải dài 6cm, bờ mép sắc gọn, sâu đến xương làm T2 ngã gục xuống đất và chết tại chỗ. H3 chạy từ phía sau T2 dùng hai tay can, đẩy người D và ngồi bệt dưới nền đường.

Sau khi đi vào thôn V để tìm nhà anh T nhưng bị lạc đường, K quay lại thì gặp D, H3 nên điều khiển xe máy đèo D, H3 đi đến nhà chị Hoàng Thị H4 sinh năm 1997(*em họ D*). Đến nơi, D để con dao gây án trên các tấm ván gỗ rồi nhờ chị H giúp D băng vết thương, sau đó đưa D đến Trạm y tế xã V, huyện B khâu vết thương. Sau khi bị D cầm dao đuổi T3, C2, Q chạy thoát thân đến trước nhà anh Trần Mạnh C gõ cửa kêu cứu, được anh C đưa đến Trạm y tế xã V sơ cứu vết thương và trình báo sự việc cho cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 378/KLPY-PC09 ngày 01/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Nguyên nhân chết của Hoàng Văn T2 vết thương thấu tim, trên người bị đa vết thương. Thời gian chết của Hoàng Văn T2, tính đến thời điểm khám nghiệm (09 giờ 15 phút ngày 03/9/2021), Hoàng Văn T2 chết khoảng 08 giờ; Độc chất: Trong mẫu phủ tạng và máu của Hoàng Văn T2 không tìm thấy các chất độc thường gặp; trong mẫu máu của Hoàng Văn T2 có tìm thấy Ethanol, hàm lượng Ethanol là 211,59mg/100ml.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 10/GĐHS ngày 12/11/2021 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế tỉnh Hà Giang kết luận: *Con dao nhọn (như mô tả tại mục III.2) là hung khí có thể phù hợp để gây nên 02 vết thương bờ mép sắc gọn vùng ngực của tử thi Hoàng Văn T2, năm sinh 1991, trú tại thôn 1 L, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang.*

Tại bản Cáo trạng số 54/CT-VKS-P2 ngày 18/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Hoàng Văn D về tội “*Giết người*” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn D xác nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo về tội “Giết người” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng khi bị cáo và anh K, H3 đưa ông Ỏ về lán thợ xây với mục đích giúp đỡ người bị ngã, không quen biết, không có mâu thuẫn gì với bị hại. Khi bị cáo vào can T3, C2 đánh H3 thì vô cớ bị T3, C2, T2 cùng nhau đâm vào đầu, đá vào người với lực rất mạnh làm bị cáo rất đau, bị ngã xuống đất, bột phát bị cáo mới dùng dao phản kháng. Sau khi đuổi theo C2, T3 không kịp, T2 lại tiếp tục hướng về phía bị cáo, bị cáo cho rằng T2 tiến đến để tiếp tục đánh bị cáo nên bị cáo bị kích động về tinh thần mới đâm T2 tử vong. Bị cáo đâm T2 để tự vệ, không có mục đích giết chết T2, việc T2 chết nằm ngoài ý thức của bị cáo. Việc bị cáo lấy trộm con dao không phải mục đích để đánh nhau mà vì khi nhìn thấy con dao đẹp, bị cáo lấy trộm để đem về nhà sử dụng. Bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình bị cáo để bồi thường cho gia đình bị hại, bị hại cũng có lỗi khi đánh bị cáo, ông nội bị cáo được tặng thưởng Huân, huy chương, bản thân bị cáo cũng được khen thưởng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người làm chứng anh Lý Xuân T3, anh Chu Văn C2 xác nhận: Sự việc xảy ra tối ngày 02/9/2021 nguyên nhân là do các anh đã uống rượu, không làm chủ được bản thân nên đã gây sự đánh anh H3 trước. Khi D vào can ngăn, cả hai cùng T2 đã đánh, đâm D với lực rất mạnh làm D bị kích động nên đã đâm chết T2.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại Hoàng Văn T2 là ông Hoàng Văn L2 vắng mặt tại phiên tòa. Trong Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông L xác nhận bị cáo và gia đình đã bồi thường một phần các chi phí mai táng và tổn thất về tinh thần cho bị hại số tiền là 70.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 315.080.000 đồng và cấp dưỡng nuôi 2 con của bị hại T2 số tiền 1.500.000 đồng/ 1 cháu/ tháng đến khi 2 cháu đủ 18 tuổi; về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn D về tội "Giết người". Sau khi phân tích toàn diện, đầy đủ tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị:

Về tội danh: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D phạm tội “Giết người”.

Về hình phạt: áp dụng khoản 2 Điều 123, điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D từ 07 đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị hại cũng có lỗi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường cho phù hợp.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 1, khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã qua sử dụng không còn giá trị; trả lại chủ tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, điều luật đã truy tố. Tuy nhiên, khi bị cáo làm việc thiện là đưa một người đàn ông bị ngã xe về nơi ở, còn bị T3, C2, bị hại T2 vô cớ đánh đấm bị cáo đã man nên bị cáo bị kích động về tinh thần nên mới phạm tội. Bị cáo có nhân thân tốt, mới thực hiện xong nghĩa vụ quân sự, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi sự việc xảy ra bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường 70.000.000 đồng cho gia đình bị hại, ông nội bị cáo được tặng thưởng huân huy chương, bản thân bị cáo cũng được khen thưởng trong phong trào thanh niên tình nguyện. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo D dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức từ 05 đến 06 năm tù; về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho phù hợp.

Ý kiến của bị cáo đối với quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa và khi trình bày lời nói sau cùng đó là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bà Lường Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: Bị cáo Hoàng Văn D đã tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại với tổng số tiền đã bồi thường là 70.000.000 đồng, nay bà và gia đình bị cáo không đề nghị bị cáo D trả lại số tiền này, còn lại số tiền cần phải bồi thường tiếp cho gia đình bị hại, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D có cơ hội sửa sai và tái hoà nhập cộng đồng.

Anh Chu Văn C2 trình bày: Chiếc xe máy của anh được mua bằng tiền của bố anh là ông Chu Văn C1, loại xe mô tô nhãn hiệu Honda để đi làm, số loại Wave α , màu sơn xanh nhạt, biển kiểm soát 23F1-11279, ông C1 xác nhận lời khai của anh C2 là đúng sự thật; anh Lý Xuân T3 có mượn của chị Mai Thị

L301 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Elegant, biển kiểm soát 23L9 - 4435 để đi làm công trình; anh Nguyễn Văn K có điều khiển 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda WAVES màu sơn đen, biển kiểm soát 23D1-186.23 chở bị cáo D và đến nhà chị Hoàng Thị H4 để sơ cứu vết thương nhưng trước đó anh K không hề biết bị cáo D đã giết anh T2. Tại phiên tòa ông C1, anh C2, anh H và anh K đề nghị Hội đồng xét xử trả lại mô tô xe máy nêu trên cho gia đình để tiếp tục sử dụng.

Lời nói sau cùng của bị cáo Hoàng Văn D: Bị cáo đã nhận thức và biết được hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp, đại diện ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người bị hại, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người làm chứng Hoàng Văn Ố vắng mặt có lý do, chị Vàng Thị Ivắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của bị hại đã có quan điểm về trách nhiệm hình sự và yêu cầu bồi thường thiệt hại, người làm chứng đã có lời khai rõ ràng trong giai đoạn điều tra. Xét thấy việc vắng mặt của những người này tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh: Từ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định do vô cớ bị Chu Văn C2, Lý Xuân T3, Hoàng Văn T2 tấn công đánh đập, Hoàng Văn D đã sử dụng 01 con dao nhọn chuôi gỗ, loại dao bầu, chiều dài cả chuôi dao là 33cm, phần lưỡi dao bằng kim loại rộng nhất là 6,5cm, chuôi dao dài 11cm, hai đầu chuôi dao có gắn vòng kim loại tay phải cầm dao, mũi dao hướng xuống dưới, vung lên đâm chéo từ trên xuống dưới, từ phải qua trái 01 phát trúng vào vùng tương ứng chính giữa đầu trên xương ức của T2 gây ra vết thương có kích thước 6cm x 1,5cm, góc bên trái tù, góc bên phải vuốt nhọn, kéo dài thành vạch sang phải dài 6cm, bờ mép sắc gọn, sâu đến xương làm T2 tử vong do vết thương thấu tim.

[4] Lời khai của bị cáo Hoàng Văn D trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thống nhất, không có mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của người làm chứng (*bút lục từ 376-478*), kết quả khám nghiệm hiện T3, kết quả thực nghiệm điều tra (*bút lục từ 40-64*), kết luận giám định pháp y (*bút lục 153-154*) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[5] Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Hoàng Văn D phạm tội Giết người, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc T3 hợp rất nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe, tính mạng của người khác đã được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi mà bị cáo đã gây ra cần có mức hình phạt nghiêm khắc, để đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe người phạm tội và làm gương cho những người khác.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 70.000.000 đồng; hành vi phạm tội của bị cáo thuộc T3 hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra; ông nội bị cáo là ông Hoàng Trung Đ được tặng Huy hiệu C2 sĩ thi đua, có nhiều thành tích trong phong trào thi đua, Huân chương C2 sĩ về vang hạng nhất, Huân chương C2 sĩ về vang hạng Ba, Huân chương về vang hạng nhì; bị cáo được UBND xã T tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thanh niên tình nguyện thực hiện nghĩa vụ quân sự năm 2019, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Cần tiếp tục ra quyết định tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại các chứng cứ đã thu thập được tại cơ quan điều tra, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của bị hại giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo Hoàng Văn D phải bồi thường cho gia đình chi phí mai táng là 115.080.000 đồng; tổn thất về tính mạng là 150.000.000 đồng; tổn thất về tinh thần là 40.000.000 đồng; chi phí cấp dưỡng cho bố mẹ bị hại T2 là ông Hoàng Văn H1 sinh năm 1961 và bà Vàng Thị Đ sinh năm 1964 là 40.000.000 đồng/01 người x 02 người = 80.000.000 đồng; Chi phí cấp dưỡng nuôi hai con nhỏ của bị hại T2 là cháu Hoàng Thị Hồng T4 sinh ngày 13/9/2012 và cháu Hoàng Hải Đ sinh ngày 10/12/2014 cho đến khi các cháu 18 tuổi với mức 1.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu.

[12] Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại là quá cao và không hợp lý, bị hại cũng là người có lỗi dẫn đến sự việc nên bị hại cũng phải chịu một phần trách nhiệm về dân sự, cần được cân nhắc khi xem xét về phần trách nhiệm dân sự cho hợp tình, hợp lý. Do đó, căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự, Mục 2 phần II của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, buộc bị cáo phải chịu các khoản sau:

[13] Đối với khoản tiền chi phí mai táng: Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải bồi thường khoản tiền chi phí hợp lý cho việc mai táng số tiền là 40.000.000 đồng (bao gồm các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe và các khoản chi phí hợp lý khác phục vụ cho việc chôn cất theo thông lệ chung).

[14] Về khoản tiền cấp dưỡng: Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng là có cơ sở, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con bị hại Hoàng Văn T2 là 02 cháu Hoàng Thị Hồng T4, Hoàng Hải Đ, bố đẻ bị hại ông Hoàng Văn H1 là người cao tuổi. Căn cứ vào điều kiện thực tế của bị cáo D là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập bình quân tại địa phương khoảng 3.125.000 đồng/tháng (BL 637), như vậy, do đó chỉ chấp nhận trách nhiệm nuôi 02 con và bố của anh T2 là: $1.490.000 \times \frac{1}{2} = 750.000$ đồng/01 người/tháng. Tổng số tiền cần phải cấp dưỡng cho 03 người: $750.000 \text{ đồng} \times 3 = 2.250.000$ đồng/tháng. Cụ thể: Cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thị Hồng T4 sinh ngày 13/9/2012 và cháu Hoàng Hải Đ sinh ngày 10/12/2014 mỗi cháu là 750.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu Thoa, Diệp đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 02/9/2021; Cấp dưỡng cho ông Hoàng Văn H1 750.000 đồng/tháng cho đến khi ông Hoàng Văn H1 chết, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 02/9/2021. Giao số tiền cấp dưỡng của ông Hoàng Văn H1 cho ông H1 quản lý; giao số tiền cấp dưỡng hai cháu T4, Đ cho chị Hoàng Thị L là mẹ đẻ 02 cháu T4, Đ trú tại: Thôn 1 L, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang quản lý sử dụng.

[15] Đối với yêu cầu cấp dưỡng của bà Vàng Thị Đ không được chấp nhận vì bà Đ vẫn còn trong độ tuổi lao động, tự nuôi sống bản thân.

[16] Về khoản tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: Quá trình điều tra xác định những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại bao gồm ông Hoàng Văn H1 sinh năm 1961, bà Vàng Thị Đ sinh năm 1964, chị Hoàng Thị L, cháu Hoàng Thị Hồng T4 sinh ngày 13/9/2012 và cháu Hoàng Hải Đ sinh ngày 10/12/2014 là bố mẹ, vợ, con của bị hại Hoàng Văn T2, ngoài ra không còn ai khác. Việc bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội khiến bị hại chết đã gây tổn thất về tinh thần cho bố, mẹ, vợ, con của bị hại T2 nên cần buộc bị cáo D phải bồi thường một khoản tiền nhất định để bù đắp tổn thất về tinh thần

cho những người trên với mức là 10 tháng lương cơ sở/01 người, cụ thể là 10 x 5 x 1.490.000 đồng = 74.500.000 đồng.

[17] Như vậy, tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường là 114.500.000 đồng, bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường số tiền là 70.000.000 đồng. Bị cáo D còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu cho gia đình bị hại T2 số tiền là 44.500.000 đồng. Do gia đình ông H1 cùng vợ con anh T2 cùng sống chung tại địa chỉ thôn 1 T, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang nên cần tuyên ông Hoàng Văn H1 là người đại diện nhận số tiền trên là phù hợp.

[18] Xử lý vật chứng:

[19] Trả lại số vật chứng là tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu itel của bị cáo D; 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu realme của bị hại T2; 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu OPPO của Nông Văn H3; 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu xanh đen của Lý Xuân T3; 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Redmi của Chu Văn C2; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 23F1-11279, 01 chiếc chìa khóa của ông Chu Văn C1; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM biển kiểm soát 23L9 - 4435 của chị Mai Thị L; 01 ví giả da màu vàng nâu bên trong có 01 chứng minh nhân dân mang tên Chu Văn C2, 01 thẻ Bảo hiểm y tế mang tên Chu Văn C2, 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1000 đồng, 01 tờ tiền nước ngoài, 01 thẻ giấy có chữ và số của anh Chu Văn C2; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda WAVES màu sơn đen, biển kiểm soát 23D1-186.23 và 01 chìa khóa xe máy của anh Nguyễn Văn K. Những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[20] Các vật chứng còn lại có liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[21] Đối với hành vi của bị cáo gây thương tích cho Lý Xuân T3, ngày 07/10/2021, anh T3 có Đơn đề nghị xin từ chối yêu cầu giám định thương tích, không đề nghị xử lý bị cáo về hành vi cố ý gây thương tích và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang không xem xét, xử lý bị cáo về hành vi cố ý gây thương tích đối với T3 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[22] Đối với hành vi của bị cáo lấy trộm con dao của ông Nguyễn Quốc V sinh năm 1969, trú tại tổ 11, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang (*chủ sở hữu con dao*) tại lán bếp nhóm thợ xây dựng đập tràn thuộc thôn H, xã V. Ông V không đề nghị xử lý và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang không xem xét, xử lý bị cáo về hành vi này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[23] Đối với hành vi của Lý Xuân T3 và Chu Văn C2 dùng tay, chân đánh anh Nông Văn H3 và bị cáo Hoàng Văn D đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Ngày 05/10/2021, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T3 và C2 với mức phạt 1.000.000 đồng (BL 659 - 662) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[24] Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[25] Chấp nhận một phần ý kiến, quan điểm và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa; không chấp nhận đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo vì hành vi của bị cáo gây hậu quả rất nghiêm trọng, cần phải xử lý nghiêm minh.

[26] Về án phí: Do bị cáo bị kết án và có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại và cấp dưỡng cho gia đình bị hại, căn cứ các Điều 24, 26, 27 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hoàng Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[27] Quyền kháng cáo: bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D phạm tội "Giết người".

2. Áp dụng khoản 2 Điều 123, điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 04/9/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Hoàng Văn D với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Hoàng Văn D có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 114.500.000^d (Một trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận bị cáo D và gia đình đã tự nguyện bồi thường số tiền là 70.000.000^d (Bảy mươi triệu đồng).

Bị cáo Hoàng Văn D còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn tH3 là 44.500.000^d (Bốn bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1961; địa chỉ thôn 1 T, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang.

Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thị Hồng T4 sinh ngày 13/9/2012 và cháu Hoàng Hải Đ sinh ngày 10/12/2014 mỗi cháu là 750.000^d (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng cho đến khi 02 cháu T4, Đ đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 02/9/2021. Người nhận tiền cấp dưỡng là chị Hoàng Thị L, địa chỉ: Thôn 1 L, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang quản lý, sử dụng.

Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải cấp dưỡng cho ông Hoàng Văn H1 750.000^d (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng cho đến khi ông Hoàng Văn H1 chết, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 02/9/2021. Giao số tiền cấp dưỡng cho ông Hoàng Văn H1 trú tại: Thôn 1 L, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang quản lý, sử dụng.

Số tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ T3 hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn D 01 (một) chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu itel màu đen, nắp lưng màu vàng đồng, bên trong lắp 01 sim, trên sim có dãy số 8984.04800.00548.86811, màn hình bị nứt vỡ; điện thoại đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại T2 ông Hoàng Văn H1 01 (một) chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu realme màu đen, bên trong lắp 02 sim, trên thẻ Sim1 có dòng chữ vinaphone và dãy số 898402000.11223759737, trên thẻ Sim2 có dòng chữ Viettel và dãy số 8984.0488.4100.3947.576, ốp lưng màu trắng; điện thoại đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại;

- Trả lại anh Nông Văn H3, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang 01 (một) chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu OPPO, màn hình màu đen, mặt sau điện thoại màu trắng bạc, bên trong lắp 02 thẻ Sim, trên thẻ Sim1 có dãy số 8984.0480.0001.6047.854, trên thẻ Sim2 có dãy số 8984.04800.00350.72329, điện thoại đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại;

- Trả lại anh Lý Xuân T3, địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu xanh

đen, bên trong lắp 01 thẻ Sim có chữ vinaphone và dãy số 89840.20001.11123.52008, màn hình đã bị nứt, điện thoại đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại;

- Trả lại anh Chu Văn C2, địa chỉ: Thôn 1 L, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang 01 (một) chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Redmi, màn hình màu đen, mặt sau màu xanh, ốp lưng điện thoại màu đen - trắng có dòng chữ adidas, bên trong lắp 02 sim, trên thẻ Sim1 có dãy số 89840.20001.06173.85745 và trên thẻ Sim2 có dãy số 8984.04800.03032.45377, điện thoại đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại; 01 (một) ví giả da màu vàng nâu đã cũ rách, bên trong có 01 chứng minh nhân dân mang tên Chu Văn C2; 01 thẻ Bảo hiểm y tế mang tên Chu Văn C2; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1000 đồng; 01 (một) tờ tiền Trung Quốc mệnh giá 1 Nhân dân tệ có số sê ri: S 31Z 432618; (một) thẻ giấy có chữ và số; 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE α , biển kiểm soát 23F1-11279, màu sơn xanh nhạt, không có gương, không có vỏ hộp xích, yếm bị rách, không có đế cao su để chân ở giữa phía bên phải, đèn hậu của xe đã bị vỡ, nhưng theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe có số loại WAVE ALPHA, màu sơn Xanh Đen Bạc, số máy JA39E0837519, số khung: RLHJA 3901HY857365, xe đã cũ đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong của xe; 01 (một) chiếc chìa khóa xe.

- Trả cho chị Mai Thị L, địa chỉ: Tổ 5, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, số loại elegant, biển kiểm soát 23L9-4435, màu sơn: Đen Bạc, số máy: VMSACH - H031849, số khung: RLGSC10KHAH031849; không có gương, không có vỏ hộp xích ở phía dưới gầm của xe, phía trước mặt đồng hồ xe bị xước, yếm bị rách, xe đã cũ đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong của xe.

- Trả cho anh Nguyễn Văn K, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVES màu sơn đen, biển kiểm soát 23D1-186.23, số máy: JC5E1221488, số khung: RLHJC5262DY204266, không có vỏ hộp xích, yếm bị rách, vỡ, xe đã cũ đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong của xe, 01 (một) chìa khóa xe máy.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) áo phông cộc tay cổ tròn màu trắng; 01 (một) đôi dép màu vàng đen, cỡ số 42; 01 (một) đôi dép màu đen, ở giữa quai dép có viền đỏ, cỡ số 41; 01 (một) chiếc dép nhựa màu xanh, chân dép bên phải, cỡ số 46; 01 (một) áo phông màu xanh cổ tròn; 01 (một) đôi dép nhựa, đế dép màu vàng, quai dép đan chéo màu đỏ; lá cây có bám dính chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 7; lá cây có bám dính chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 9; 03 (ba) viên đá có bám dính chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 10; 01 (một) chiếc quần dài vải

bò màu xanh đen của Hoàng Văn T2; 03 (ba) mảnh gỗ, 03 (ba) mảnh bê tông mang dấu vết màu nâu đỏ; 01 (một) mảnh vải màu trắng thuộc phần thân dưới áo phông; 01 (một) quần chun màu đen dạng quần đùi, có nhiều hoa văn, có chữ VL màu trắng ở trên mặt trước; 01 (một) chiếc áo phông cộc tay, cổ tròn, áo màu vàng, ngực áo có dòng chữ MARINE SERRE màu đen, trên thân áo có nhiều vị trí bám dính chất màu nâu đỏ; 01 (một) chiếc quần dài cạp chun màu đen; 01 (một) mảnh vải áo nữ màu trắng, rách không rõ hình thù, có bám dính chất màu nâu đỏ; 01 (một) chiếc dép nhựa màu xanh, chân dép bên trái, cỡ số 46; 01 (một) chiếc áo phông cộc tay, cổ tròn, áo màu xanh, ngực áo có dòng chữ HOANG VAN D màu trắng, trên thân áo có nhiều vị trí bám dính chất màu nâu đỏ; 01 (một) chiếc quần đùi màu đen có nhiều hoa văn hình mạng nhện màu trắng, tại phần gấu quần bên trái có bám dính chất màu nâu đỏ; 01 (một) con dao nhọn chuôi gỗ loại dao bầu, có 01 lưỡi sắc bằng kim loại, chiều dài cả chuôi dao là 33cm, phần lưỡi dao rộng nhất là 6,5cm, phần chuôi dao dài 11cm, hai đầu chuôi dao có gắn vòng kim loại, thân dao bám dính nhiều bùn đất.

Tình trạng và đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 24, 26, 27 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hoàng Văn D phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, 2.225.000^d (Hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch và 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

T3 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- PV06, PC01, PC02, PC11 Công an tỉnh Hà Giang;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo, người bào chữa, đại diện bị hại, người CQLVNLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quyết Tiến Vương Thị Dung

Đỗ Thị Kim Quy